

# STRÖMAN

Đẳng Cấp Đức. Sức Sống Mới

## BẢNG GIÁ KHUYẾN NGHỊ NGƯỜI TIÊU DÙNG PHỤ KIỆN UPVC STROMAN Tiêu chuẩn ISO 1452:2-2009 (Áp dụng từ ngày 02/04/2026 tại Miền Bắc)

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Á Đại Thành gửi tới Quý khách hàng lời chào trân trọng.  
Chúng tôi hân hạnh gửi tới Quý khách hàng Bảng giá Phụ Kiện UPVC STROMAN như sau:

TT	TÊN SP DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (mm)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT
	<b>BẠC CHUYỂN BẠC</b>				
1	75-34	8	Cái	11,100	11,988
2	75-42	8	Cái	11,100	11,988
3	75-48	8	Cái	11,100	11,988
4	75-60	8	Cái	11,100	11,988
5	90-42	6	Cái	17,000	18,360
6	90-48	6	Cái	18,000	19,440
7	90-60	6	Cái	19,400	20,952
8	90-75	6	Cái	20,000	21,600
9	110-48	6	Cái	33,900	36,612
10	110-60	6	Cái	35,300	38,124
11	110-75	6	Cái	37,600	40,608
12	110-90	6	Cái	39,800	42,984
13	140-75	6	Cái	47,000	50,760
14	140-90	6	Cái	62,300	67,284
15	140-110	6	Cái	62,300	67,284
16	160-90	6	Cái	93,300	100,764
17	160-110	6	Cái	102,500	110,700
	<b>BỊT XẢ THÔNG TẮC</b>				
18	60	8	Cái	13,300	14,364
19	75	8	Cái	19,300	20,844
20	90	6	Cái	28,000	30,240
21	110	6	Cái	37,300	40,284
22	125	6	Cái	53,400	57,672



*Handwritten signature*

TT	TÊN SP DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (mm)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT
23	140	6	Cái	70,600	76,248
24	160	6	Cái	94,600	102,168
25	200	6	Cái	332,300	358,884
	<b>CHÉCH</b>				
26	21	10	Cái	1,600	1,728
27	21	16	Cái	2,856	3,085
28	27	10	Cái	2,100	2,268
29	27	16	Cái	4,800	5,184
30	34	10	Cái	3,300	3,564
31	42	10	Cái	4,900	5,292
32	48	10	Cái	7,800	8,424
33	60	8	Cái	12,600	13,608
34	75	8	Cái	21,900	23,652
35	90	6	Cái	28,600	30,888
36	110	6	Cái	43,800	47,304
37	125	10	Cái	100,000	108,000
38	140	6	Cái	84,300	91,044
39	160	6	Cái	127,500	137,700
40	200	10	Cái	353,200	381,456
	<b>CÔN THU</b>				
41	27-21	10	Cái	1,500	1,620
42	34-21	10	Cái	2,100	2,268
43	34-27	12.5	Cái	3,000	3,240
44	42-21	10	Cái	3,300	3,564
45	42-27	10	Cái	3,400	3,672
46	42-34	10	Cái	3,600	3,888
47	48-21	10	Cái	4,400	4,752
48	48-27	10	Cái	4,600	4,968
49	48-34	10	Cái	4,800	5,184
50	48-42	10	Cái	4,900	5,292
51	60-21	8	Cái	6,000	6,480
52	60-27	8	Cái	7,300	7,884
53	60-34	8	Cái	7,500	8,100
54	60-42	8	Cái	7,800	8,424

TT	TÊN SP DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (mm)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT
55	60-48	8	Cái	8,000	8,640
56	75-34	8	Cái	11,500	12,420
57	75-42	8	Cái	11,800	12,744
58	75-48	8	Cái	12,000	12,960
59	75-60	8	Cái	12,100	13,068
60	90-34	6	Cái	14,500	15,660
61	90-42	6	Cái	15,900	17,172
62	90-48	6	Cái	16,200	17,496
63	90-60	6	Cái	16,400	17,712
64	90-75	6	Cái	17,900	19,332
65	110-34	6	Cái	25,100	27,108
66	110-42	6	Cái	25,400	27,432
67	110-48	6	Cái	25,600	27,648
68	110-60	6	Cái	25,800	27,864
69	110-75	6	Cái	25,900	27,972
70	110-90	6	Cái	26,100	28,188
71	125-90	6	Cái	36,600	39,528
72	125-110	6	Cái	46,800	50,544
73	140x90	6	Cái	54,400	58,752
74	140x110	6	Cái	57,500	62,100
75	160-90	6	Cái	73,100	78,948
76	160-110	6	Cái	75,900	81,972
77	200-110	6	Cái	169,300	182,844
78	200-140	6	Cái	176,500	190,620
79	200-160	6	Cái	185,900	200,772
80	200-180	6	Cái	225,000	243,000
	<b>CÚT</b>				
81	21	10	Cái	1,600	1,728
82	21	16	Cái	3,600	3,888
83	27	10	Cái	2,600	2,808
84	27	16	Cái	4,500	4,860
85	34	10	Cái	3,900	4,212
86	42	10	Cái	6,400	6,912
87	48	10	Cái	10,000	10,800

TT	TÊN SP DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (mm)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT
88	60	8	Cái	14,800	15,984
89	60	16	Cái	29,600	31,968
90	75	8	Cái	26,500	28,620
91	90	6	Cái	34,800	37,584
92	110	6	Cái	55,600	60,048
93	125	6	Cái	112,800	121,824
94	140	6	Cái	141,400	152,712
95	160	6	Cái	170,500	184,140
96	200	10	Cái	469,000	506,520
	<b>CÚT REN NGOÀI ĐỒNG</b>				
97	21x1/2	10	Cái	22,800	24,624
	<b>CÚT REN NGOÀI</b>				
98	21x1/2	10	Cái	2,500	2,700
99	21x3/4	10	Cái	4,477	4,835
100	27x1	10	Cái	7,599	8,207
101	27x1/2	10	Cái	5,095	5,503
102	27x3/4	10	Cái	3,900	4,212
103	34x1	12.5	Cái	8,954	9,671
104	34x3/4	12.5	Cái	6,765	7,306
	<b>CÚT REN TRONG ĐỒNG</b>				
105	21x1/2	16	Cái	22,800	24,624
106	27x1/2	16	Cái	23,500	25,380
107	27x3/4	16	Cái	23,900	25,812
108	34x1	12.5	Cái	33,100	35,748
	<b>CÚT REN TRONG</b>				
109	21x1/2	10	Cái	2,800	3,024
110	27x3/4	10	Cái	3,600	3,888
111	34x1	12.5	Cái	6,245	6,744
	<b>CÚT THU</b>				
112	27-21	10	Cái	3,268	3,529
113	34-21	12.5	Cái	4,289	4,632
114	34-27	12.5	Cái	4,906	5,299
115	42-27	10	Cái	7,046	7,610
116	42-34	10	Cái	7,972	8,610

*pan*

TT	TÊN SP DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (mm)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT
117	60-34	8	Cái	15,434	16,668
118	60-42	8	Cái	18,498	19,978
119	90-60	6	Cái	19,680	21,254
	<b>MĂNG SÔNG REN NGOÀI</b>				
120	21x1/2	10	Cái	1,500	1,620
121	27x3/4	10	Cái	1,900	2,052
122	34x1	10	Cái	3,400	3,672
123	42x1x1/4	10	Cái	4,800	5,184
124	48x1x1/2	10	Cái	6,800	7,344
	<b>MĂNG SÔNG REN TRONG ĐỒNG</b>				
125	21x1/2	16	Cái	22,900	24,732
126	27x1/2	16	Cái	23,200	25,056
127	27x3/4	16	Cái	26,027	28,109
128	34x1	12.5	Cái	37,466	40,464
	<b>MĂNG SÔNG REN TRONG</b>				
129	21x1/2	10	Cái	1,500	1,620
130	27x3/4	10	Cái	1,900	2,052
131	34x1	10	Cái	3,400	3,672
132	42x1x1/4	10	Cái	4,800	5,184
133	48x1x1/2	10	Cái	6,800	7,344
	<b>MĂNG SÔNG</b>				
134	21	10	Cái	1,500	1,620
135	27	10	Cái	2,000	2,160
136	27	16	Cái	3,400	3,672
137	34	12.5	Cái	3,437	3,711
138	34	10	Cái	2,300	2,484
139	34	16	Cái	6,000	6,480
140	42	10	Cái	3,900	4,212
141	48	10	Cái	5,000	5,400
142	60	8	Cái	8,600	9,288
143	60	16	Cái	19,000	20,520
144	75	8	Cái	11,800	12,744
145	90	6	Cái	16,000	17,280
146	110	6	Cái	20,300	21,924

TT	TÊN SP DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (mm)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT
147	125	6	Cái	45,500	49,140
148	140	6	Cái	65,400	70,632
149	160	6	Cái	93,100	100,548
150	200	10	Cái	247,100	266,868
	<b>NÚT BỊT REN NGOÀI</b>				
151	21x1/2	16	Cái	785	848
152	27x3/4	16	Cái	1,178	1,273
153	34x1	12.5	Cái	2,062	2,227
	<b>NÚT BỊT</b>				
154	21	16	Cái	1,200	1,296
155	27	16	Cái	1,900	2,052
156	34	12.5	Cái	3,085	3,331
157	42	10	Cái	2,600	2,808
158	48	10	Cái	3,900	4,212
159	60	8	Cái	12,100	13,068
160	75	8	Cái	12,300	13,284
161	90	6	Cái	13,300	14,364
162	110	6	Cái	27,600	29,808
163	114	6	Cái	55,365	59,794
	<b>SIPHONG</b>				
164	60x3/4	8	Cái	34,452	37,208
165	75x1	8	Cái	65,566	70,811
166	90x1	6	Cái	89,611	96,780
167	110x1	6	Cái	124,789	134,772
	<b>TÊ CONG</b>				
168	90	6	Cái	49,022	52,944
169	110	6	Cái	81,589	88,116
170	114	6	Cái	86,587	93,514
	<b>TÊ REN NGOÀI ĐỒNG</b>				
171	21x1/2	10	Cái	18,527	20,010
172	27x3/4	10	Cái	28,620	30,910
	<b>TÊ REN TRONG ĐỒNG</b>				
173	21x1/2	16	Cái	26,600	28,728
174	27x1/2	16	Cái	26,800	28,944

TT	TÊN SP DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (mm)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT
175	27x3/4	16	Cái	27,000	29,160
176	34x1	12.5	Cái	57,967	62,604
	<b>TÊ REN TRONG</b>				
177	21x1/2	10	Cái	6,524	7,046
178	27x1/2	10	Cái	6,862	7,411
179	27x3/4	10	Cái	7,331	7,917
180	34x1	12.5	Cái	9,367	10,116
	<b>TÊ THU</b>				
181	27-21	10	Cái	3,400	3,672
182	27-21	16	Cái	3,800	4,104
183	34-21	10	Cái	4,400	4,752
184	34-27	10	Cái	4,800	5,184
185	42-21	10	Cái	5,800	6,264
186	42-27	10	Cái	6,400	6,912
187	42-34	10	Cái	7,800	8,424
188	48-21	10	Cái	9,400	10,152
189	48-27	10	Cái	9,500	10,260
190	48-34	10	Cái	10,000	10,800
191	48-42	10	Cái	12,900	13,932
192	60-21	8	Cái	11,600	12,528
193	60-27	8	Cái	13,100	14,148
194	60-34	8	Cái	14,400	15,552
195	60-42	8	Cái	15,900	17,172
196	60-48	8	Cái	16,600	17,928
197	75-34	8	Cái	21,900	23,652
198	75-42	8	Cái	23,400	25,272
199	75-48	8	Cái	26,500	28,620
200	75-60	8	Cái	29,600	31,968
201	90-34	6	Cái	36,100	38,988
202	90-42	6	Cái	29,400	31,752
203	90-48	6	Cái	35,800	38,664
204	90-60	6	Cái	43,500	46,980
205	90-75	6	Cái	45,500	49,140
206	110-34	6	Cái	45,000	48,600

TT	TÊN SP DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (mm)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT
207	110-42	6	Cái	45,500	49,140
208	110-48	6	Cái	47,800	51,624
209	110-60	6	Cái	52,900	57,132
210	110-75	6	Cái	55,900	60,372
211	110-90	6	Cái	66,900	72,252
212	125x75	6	Cái	76,389	82,500
213	125-90	6	Cái	86,319	93,225
214	125-110	6	Cái	96,500	104,220
215	140x90	6	Cái	131,300	141,804
216	140x110	6	Cái	143,900	155,412
217	160x75	6	Cái	160,926	173,800
218	160x90	6	Cái	180,000	194,400
219	160x110	6	Cái	196,000	211,680
220	160x125	6	Cái	199,111	215,040
221	160x140	6	Cái	229,100	247,428
222	180x160	6	Cái	363,000	392,040
223	200x75	6	Cái	283,148	305,800
224	200x90	6	Cái	294,047	317,570
225	200x110	6	Cái	359,900	388,692
226	200x140	6	Cái	360,250	389,070
227	200x160	6	Cái	445,000	480,600
	<b>TÊ</b>				
228	21	10	Cái	2,600	2,808
229	21	16	Cái	4,800	5,184
230	27	10	Cái	4,400	4,752
231	27	16	Cái	6,000	6,480
232	34	10	Cái	5,900	6,372
233	42	10	Cái	8,400	9,072
234	48	10	Cái	12,500	13,500
235	60	8	Cái	19,800	21,384
236	75	8	Cái	33,600	36,288
237	90	6	Cái	46,400	50,112
238	110	6	Cái	78,600	84,888
239	125	6	Cái	163,900	177,012

TT	TÊN SP DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (mm)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT
240	140	6	Cái	210,500	227,340
241	160	6	Cái	223,900	241,812
242	200	6	Cái	526,400	568,512
	<b>TỬ CHẠC CONG</b>				
243	90	6	Cái	67,000	72,360
244	110	6	Cái	115,000	124,200
	<b>VAN CẦU</b>				
245	21	16	Cái	29,883	32,274
246	27	10	Cái	37,300	40,284
247	34	12.5	Cái	53,400	57,672
	<b>Y THU</b>				
248	90-60	10	Cái	44,800	48,384
249	90-75	10	Cái	55,900	60,372
250	110-60	10	Cái	61,000	65,880
251	110-75	10	Cái	77,300	83,484
252	110-90	10	Cái	82,000	88,560
253	125x110	10	Cái	139,100	150,228
254	140x90	10	Cái	175,900	189,972
255	140x110	10	Cái	261,300	282,204
256	160x110	10	Cái	341,000	368,280
	<b>Y</b>				
257	34	12.5	Cái	10,931	11,806
258	42	10	Cái	9,399	10,151
259	48	10	Cái	17,371	18,761
260	60	8	Cái	22,000	23,760
261	75	8	Cái	44,000	47,520
262	90	6	Cái	55,000	59,400
263	110	6	Cái	83,000	89,640
264	125	6	Cái	150,000	162,000
265	140	6	Cái	250,000	270,000
266	160	6	Cái	370,000	399,600
	<b>ZẮC CO</b>				
267	21	10	Cái	13,920	15,034
268	27	10	Cái	19,440	20,995

*phn*

TT	TÊN SP DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (mm)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT
269	34	10	Cái	27,480	29,678
270	42	10	Cái	33,720	36,418
271	48	10	Cái	49,000	52,920
272	49	8	Cái	56,400	60,912
273	60	8	Cái	81,720	88,258
	<b>ĐẦU NÓI THÔNG SÀN</b>				
273	90	10	Cái	27,600	29,808
273	110	10	Cái	33,900	36,612
	<b>KEO DÁN ỐNG NHỰA</b>				
274	25 Gram	1	Tuýp	4,980	5,378
275	30 Gram	1	Tuýp	6,000	6,480
276	50 Gram	1	Tuýp	9,600	10,368
277	100 Gram	1	Tuýp	25,000	27,000
278	200 Gram	1	Lon	44,000	47,520
279	500 Gram	1	Lon	86,400	93,312
280	1000 Gram	1	Lon	173,000	186,840

### ỐNG NHỰA STROMAN - ĐỘ BỀN LÝ TƯỞNG TỪ CHUYÊN GIA ĐỨC

Mọi chi tiết Quý khách hàng vui lòng truy cập

Website: [www.stroman.vn](http://www.stroman.vn) hoặc liên hệ các Cửa hàng chính thức của Công ty



**GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN TUẤN NGỌC**

AI THANH  
16 \*